TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/4/2019
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân

2. Ông Nguyễn Hùng Cường

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Thu Thủy -Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:* Ông Trần Cao Lâm.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2018/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1979;

HKTT: tổ 58, khóm M, Phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2/. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1970;

HKTT: tổ 58, khóm M, Phường 3, thành phố C, Đồng Tháp.

Nơi cư trú: ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Chị P có mặt tại phiên tòa, anh H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/8/2018, biên bản hòa giải cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Vào năm 2000 chị P và anh Nguyễn Thanh H quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu anh, chị đã đến với nhau được gia đình hai bên châp thuận, chị P và anh H bắt đầu chúng sống với nhau như vợ chồng, không có tổ chức cưới nhưng cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2005 anh chị mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 3, thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh), tỉnh Đồng Tháp chứng nhận kết hôn ngày 10/10/2005. Vợ chồng chung sống với được 17 năm cũng có vài lần phát sinh mâu thuẫn do anh H nhậu say về có hành vi bạo lực với chị, chị đã từng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng do nghĩ cho con và cho anh H thêm cơ hội sửa đổi nên chị đã rút đơn. Đến năm 2018 thì giữa anh, chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh H ghen tuông chị với người khác, anh thường chửi mắng và đánh chị dẫn đến gia đình mất hạnh phúc, dù rằng giữa hai vợ chồng cũng được sự khuyên bảo của gia đình nhưng anh H vẫn không thay đổi. Từ tháng 11 năm 2018 anh, chị đã ly thân đến nay. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P quyết định xin ly hôn với chồng là anh Nguyễn Thanh H.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hữu Ng, sinh ngày 19/01/2002. Chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh H vắng mặt tại phiên Tòa, anh H đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy

định của pháp luật, nhưng anh H vắng mặt không lý do. Tại biên bản ghi lời khai và phiện họp hòa giải anh H trình bày: Anh H thống nhất theo lời trình bày của chị P về thời gian chung sống, thời gian kết hôn và thời gian xảy ra mâu thuẩn. Do tính tình không phù hợp và bất đồng về quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cự cải nhau từ đó vợ chồng không còn hạnh phúc. Vào tháng 11 năm 2018 thì anh H phát hiện chị P có đi chung với người đàn ông tên Lâm nên giữa anh và chị mâu thuẩn nghiêm trọng, tuy nhiên anh H cho rằng vẫn còn tình cảm với chị P nên không đồng ý ly hôn với chị P.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hữu Ng, sinh ngày 19/01/2002. Trong trường hợp Tòa giải quyết cho ly hôn anh H có ý kiến nếu cháu Ng có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại phiên tòa, chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh H và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Anh H vắng mặt mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo đúng quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh H vắng mặt, chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P với anh Nguyễn Thanh H. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu Nghĩa, sinh ngày 19/01/2002. Từ khi chị P và anh H sống ly thân cho đến nay thì cháu Nghĩa sống với chị P đã có cuộc sống ổn định, chị P vẫn nuôi dưỡng cháu tốt, mắt khác cháu Ngĩa có bản tự khai thể hiện nguyện vọng được tiếp tục chung sống với chị P vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị P tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu.Về tài sản chung của anh chị: do không có tranh chấp, không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết việc hôn nhân của chị và anh H. Theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Anh Nguyễn Thanh H đã được tòa án giao quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng anh vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 bộ Luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H.

2. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị P với anh Nguyễn Thanh H chung sống như vợ chồng từ năm 2000 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Đông Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 78/2006 ngày 10/10/2005, xác định hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không quan tâm vợ con mâu thuẫn kéo dài đến khoảng tháng 11 năm 2018 thì trở nên trầm trọng nên chị P thuê nhà bên ngoài sinh sống và anh chị ly thân từ đó đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ và cương quyết ly hôn với anh H. Điều đó cho thấy trình trạng hôn nhân giữa chị P với anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa chị P với anh H sống ly thân nhau đến nay đã hơn 06 tháng nhưng vợ chồng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn đoàn tụ, nên chị P xin ly hôn với anh H là có căn cứ. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị ly hôn với anh H.

Riêng anh H từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến nay anh đã được tống đạt các thông báo và quyết định hợp lệ theo quy định của pháp luật, Tòa án đã triệu tập anh H đến Tòa để tổ chức hòa giải, tạo điều kiện để vợ chồng về đoàn tụ nhưng phiên hòa giải không thành, mặc dù anh H trình bày là còn thương vợ nên không muốn ly hôn nhưng thực tế anh H không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Thực tế anh chị đã ly thân hơn 06 tháng mà anh cũng không có giải pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh H.

3. Về con chung:

Chị P có yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hữu Ng, sinh ngày 19/01/2002. Xét thấy vì từ khi chị P và anh H sống ly thân cho đến nay thì cháu Nghĩa sống với chị P đã có cuộc sống ổn định, chị P vẫn nuôi dưỡng cháu tốt. Ngoài ra, cháu Ng có bản tự khai trình bày nguyện vọng được sống cùng với chị P nếu như anh, chị ly hôn. Căn cứ vào điều 81 và điều 82 luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nghĩa cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

4. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Nguyễn Thị P không yêu cầu anh Nguyễn Thanh H cấp dưỡng nuôi con và anh H cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

5. Về tài sản chung: Tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Về nợ chung: Không có. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Thanh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Khoản

4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử **:**

1/. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị P ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

2/. *Về con chung:* Tiếp tục giao con chung là cháu Nguyễn Hữu Ng, sinh ngày 19/01/2002 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3/. *Về tài sản chung và nợ chung :* Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nợ chung: không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị P phải nộp 300.000đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 03286 ngày 07/8/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị P đã nộp xong.

5/. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự h. Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.(P)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Minh Phong